|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆPVÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔNTỔNG CỤC LÂM NGHIỆP | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-TCLN-KL | *Hà Nội, ngày tháng năm 2022* |

**TỜ TRÌNH**

Dự thảo

**Về việc đề nghị ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật tạm thời**

**theo dõi diễn biến rừng**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ* *Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BNNPTNT ngày 15/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định về xây dựng, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật sản phẩm, dịch vụ công do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý;*

Tổng cục Lâm nghiệp kính trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật tạm thời theo dõi diễn biến rừngnhư sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH ĐỊNH MỨC**

Hiện nay, theo Quyết định số 2860/QĐ-BNN-TCLN ngày 27/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, toàn quốc có 14.745.201 ha đất có rừng bao gồm cả rừng trồng chưa khép tán, trong đó: rừng tự nhiên: 10.171.757 ha, rừng trồng: 4.573.444 ha. Diện tích đất có rừng đủ tiêu chuẩn để tính tỷ lệ che phủ toàn quốc là 13.923.108 ha, tỷ lệ che phủ là 42,02%.

Theo số liệu thống kê từ các quyết định công bố hiện trạng rừng hàng năm của UBND các tỉnh, thành phố, diện tích biến động rừng hàng năm toàn quốc khoảng 500.00 ha.

Ngày 16/11/2018, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã ban hành Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng. Theo đó, đã quy định cụ thể về các trình tựthực hiện theo dõi diễn biến rừng. Các hoạt động cấp nhật bằng phần mềm trên hệ thống của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Tổng cục Lâm nghiệp có nhiệm vụ duy trì vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng của cả nước và tổng hợp báo cáo, trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố hiện trạng rừng toàn quốc hàng năm; các Vườn Quốc gia thuộc Tổng cục Lâm nghiệp có trách nhiệm báo cáo, thu thập dữ liệu biến động trên diện tích được giao gửi các Hạt Kiểm lâm để cập nhật.

Định mức kinh tế - kỹ thuật theo dõi diễn biến rừngchưa được ban hành nênquá trình triển khai thực hiện, khó khăn trong công tác quản lý.

**II. MỤC ĐÍCH VÀ QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG ĐỊNH MỨC**

**1. Mục đích**

Đảm bảo, thống nhất áp dụng định mức kinh tế-kỹ thuật theo dõi diễn biến rừngvà phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

**2. Quan điểm**

Việc xây dựngđịnh mức kinh tế-kỹ thuật theo dõi diễn biến rừng phải phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật để thực hiện các trình tự theo dõi diễn biến rừng, công bố hiện trạng rừng theo quy định tại Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Làm cơ sở để Cục Kiểm lâm hỗ trợ các địa phương trong theo dõi diễn biến rừng.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG ĐỊNH MỨC**

Ngày 19/8/2021, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quyết định số 3588/QĐ-BNN-TC Ban hành Kế hoạch và phân công nhiệm vụ triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Theo đó, đã giao Tổng cục Lâm nghiệp xây dựng, sửa đổi định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ lĩnh vực lâm nghiệp.

Ngày 12/8/2021, Tổng cục Lâm nghiệp ban hành quyết định số 202/QĐ-TCLN-KL Phân công, giao nhiệm vụ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện danh mục sự nghiệp công thuộc lĩnh vực Lâm nghiệp cho các đơn vị trực thuộc Tổng cục Lâm nghiệp. Theo đó, đã giao Cục Kiểm lâm chủ trì xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật về theo dõi diễn biến rừng

Ngày 06/10/2021, Tổng cục Lâm nghiệp ban hành Quyết định số 231/QĐ-TCLN-KHTC ban hành Kế hoạch và phân công nhiệm vụ triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Theo đó, đã giao nhiệm vụ cho các đơn vị thuộc Tổng cục Lâm nghiệp thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật.

Ngày…/…/2022, Tổng cục Lâm nghiệp ban hành Văn bản số: …/TCLN-KL gửi Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Vụ Tài chính và các tổ chức, cá nhân có liên quan để lấy ý kiến tham gia.

Ngày…/…/2022,Tổng cục Lâm nghiệp ban hành Báo cáo số: …/BC-TCLN-KL tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia góp ý.

Ngày…/…/2022,Tổng cục Lâm nghiệp ban hành Quyết định số:…./QĐ-TCLN-KL thành lập Hội đồng thẩm định định mức kinh tế kỹ thuật theo dõi diễn biến rừng.

Ngày …/…/2022,Hội đồng thẩm định đã tổ chức họp, thảo luận đánh giá chất lượng của Dự thảo Quyết định ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật bằng phương pháp bỏ phiếu kín. Kết quả tại Biên bản…

Ngày …/…/2022,Tổng cục Lâm nghiệp ban hành Báo cáo số: …/BC-TCLN-KL giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.

Ngày …/…/2022, Tổng cục Lâm nghiệp ban hành Báo cáo số: …/BC-TCLN-KL báo cáo Thứ trưởng phụ trách về kết quả xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật.

Ngày …/…/2022, Thứ trưởng phụ trách đã có ý kiến chỉ đạo.

**IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA ĐỊNH**

1. Định mức lao động

Hệ thống hóa yêu cầu kỹ thuật, xây dựng các bước công việc trong theo dõi diễn biến rừng. Kết quả phân tích cho thấy có 25 bước công việc cần thực hiện trong theo dõi diễn biến rừng, gồm:

### (1) Công tác chuẩn bị

Tổng sốcó 03 bước công việc được kế thừa định mức đã có nhưng phải điều chỉnh.

### (2) Điều tra ngoại nghiệp

Tổng sốcó 05 bước công việc, trong đó: 01 bước công việc được kế thừa định mức đã có;03 bước công việc được kế thừa định mức đã có nhưng phải điều chỉnh;01 bước công việc đề xuất xây dựng mới.

(3) Tổng hợp, xử lý số liệu và cập nhật vào phần mềm theo dõi diễn biến rừngcó 01 bước công việc được kế thừa định mức đã có nhưng phải điều chỉnh.

(4) Xây dựng báo cáo, thành quả kết quả theo dõi diễn biến rừng cấp xãcó 01 bước công việc đề xuất xây dựng mới.

(5) Xây dựng báo cáo, thành quả kết quả theo dõi diễn biến rừng chủ rừng nhóm II có 01 bước công việc đề xuất xây dựng mới.

(6)Xây dựng báo cáo, thành quả kết quả theo dõi diễn biến rừng cấp huyện

Tổng sốcó 03 bước công việc, trong đó: 02 bước công việc được kế thừa định mức đã có nhưng phải điều chỉnh;01 bước công việc đề xuất xây dựng mới.

(7) Xây dựng báo cáo, thành quả kết quả theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh

Tổng sốcó04 bước công việc, trong đó: 01 bước công việc được kế thừa định mức đã có nhưng phải điều chỉnh; 03 bước công việc kế thừa định mức đã có.

(8) Xây dựng báo cáo, thành quả kết quả theo dõi diễn biến rừng cấp toàn quốc: Tổng số04 bước công việcđề xuất xây dựng mới.

(9) Vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng toàn quốc: Tổng sốcó03 bước công việc đề xuất xây dựng mới

*(Chi tiết tại Phụ lụckèm theo)*

2. Định mức máy móc, thiết bị

Trên cơ sở số liệu khảo sát thu thập về nhu cầu cần thiết sử dụng máy móc thiết bị, dụng cụ và vật liệu tiêu hao phục vụ hoạt động tổng hợp và lập bản đồ hiện trạng rừng; yêu cầu số lượng, công dụng, đặc tính kỹ thuật của thiết bị, dụng cụ sử dụng và vật liệu tiêu hao trong quá trình tác nghiệp. Xác định được danh mục dụng cụ và thiết bị cần thiết như sau:

**2.1. Danh mục thiết bị máy móc sử dụng trong hoạt động trong theo dõi diễn biến rừng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Danh mục thiết bị** | **ĐVT** | **Định mức (huyện, tỉnh, toàn quốc)** |
| 1 | Máy in khổ A4 | Cái | 1 |
| 2 | Máy in khổ A3 | Cái | 1 |
| 3 | Máy vi tính chuyên dùng | Cái | 1 |
| 4 | Máy photocopy A3 | Cái | 1 |
| 5 | Thiết bị đo diện tích (GPS, Máy tính Bảng) | Cái | 1 |

**2.2. Danh mục dụng cụ sử dụng trong hoạt động trong theo dõi diễn biến rừng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Danh mục dụng cụ** | **ĐVT** | **Định mức (huyện, tỉnh, toàn quốc)** |
| 1 | Bàn làm việc | Cái | 1 |
| 2 | Ghế văn phòng | Cái | 1 |
| 3 | Tủ để tài liệu | Cái | 1 |
| 4 | Ổn áp dùng chung 10A | Cái | 1 |
| 5 | Lưu điện | Cái | 1 |
| 6 | Quạt trần 0,1kW | Cái | 1 |
| 7 | Đèn Neon 0,04 kW | Cái | 1 |
| 8 | Máy tính bấm số | Cái | 1 |
| 9 | Ổ cứng ngoài lưu trữ dữ liệu (2T) | Cái | 1 |

**III. ĐỊNH MỨC VẬT TƯ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Danh mục vật liệu** | **ĐVT** | **Định mức (huyện, tỉnh, toàn quốc)** |
| 1 | Mực in A4 Laser | Hộp | 2,00 |
| 2 | Mực in A3 laser | Hộp | 2,00 |
| 3 | Mực photocopy | Hộp | 2,20 |
| 4 | Sổ ghi chép | Quyển | 15,00 |
| 5 | Cặp 3 dây | Chiếc | 20,00 |
| 6 | Giấy A4 | Ram | 20,00 |
| 7 | Giấy A3 | Ram | 5,00 |

*Xin gửi kèm theo:*

*(1) Dự thảo Quyết định Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật tạm thời theo dõi diễn biến rừng.*

*(2) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;*

*(3) Biên bản họp thẩm định; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;*

*(4) Ý kiến của Thứ trưởng phụ trách.*

Tổng cục Lâm nghiệp kính trình./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Bộ trưởng Lê Minh Hoan (để báo cáo);  - Thứ trưởng Lê Quốc Doanh (để báo cáo);  - TCT Nguyễn Quốc Trị (để báo cáo);  - Lưu: VT, KL. | **KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG**  **PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**  **Trần Quang Bảo** |

**Phụ lục**

**ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG**

*(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-TCLN-KL ngày tháng năm 2022 của Tổng cục Lâm nghiệp)*

| **TT** | **Bước công việc** | **Định mức đã có** | | | **Điều chỉnh, bổ sung** | | | **Văn bản áp dụng kế thừa, điều chỉnh** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **ĐVT** | **Định mức công** | **Hệ số lương** | **ĐVT** | **Định mức công** | **Hệ số lương** | **Định mức** | **Trang mục** |
| **1** | **Công tác chuẩn bị** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.1 | Chuẩn bị nhân lực, vật tư, trang thiết bị kỹ thuật. | C.ảnh | 10 | 3.00 | Xã | 10 | 3 | Kế thừa, điều chỉnh QĐ690, khác về khối lượng và mức độ | Tr1, Mục4 |
| 1.2 | Thu thập tài liệu phục vụ công tác theo dõi diễn biến rừng. | Công/đ | 7 | Chưa có | Xã | 10 | 3,33 | Kế thừa, điều chỉnh TT102 khác về khối lượng và trang thiết bị | Tr1 |
| 1.3 | Tải và xử lý ảnh vệ tinh phục vụ công tác theo dõi diễn biến rừng | Xã | 30 | 4.65 | Mảnh, xã | 20 | 4,65 | Kế thừa, điều chỉnh QĐ690, khác về khối lượng và công nghệ | Mục 3, Mục 24 |
| **2** | **Điều tra ngoại nghiệp (rừng và đất lâm nghiệp)** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.1 | Di chuyển trong quá trình điều tra ngoại nghiệp | km | 0,2 | 3,99 | km | 0,2 | 3,99 | Kế thừa QĐ487; Số km được tính theo CV10121: Lkm= (Srs/100) \* (Sln/50.000) Srs : Diện tích rà soát Sln: Diện tích đất lâm nghiệp | Mục 18 |
| 2.2 | Đo vẽ, xác định diện tích rừng biến động | Ha | Không quá 17.000 đ/ha | | ha | 0,06 | 4,06 | Kế thừa, điều chỉnh TT102, khác về khối lượng. | Mục III |
| 2.3 | Điều tra, xác minh hiện trạng rừng biến động | Công/Ô | 5 | 3,46 | ha | 0,2 | 3,46 | Kế thừa, điều chỉnh QĐ487, khác về khối lượng | Mục 31.2 |
| 2.4 | Thống nhất số liệu với địa phương/chủ quản lý rừng | Chưa có | Chưa có | Chưa có | ĐP, CR | 5 | 3,26 | Xây dựng mới; Chưa có nội dung trong các định mức |  |
| 2.5 | Hoàn thiện số liệu, bản đồ ngoại nghiệp | Mảnh | Đồng/mảnh |  | ha | 0,005 | 5,42 | Kế thừa, điều chỉnh TT102, khác về khối lượng và công nghệ | Mục 17.4 |
| **3** | **Tổng hợp, xử lý số liệu và cập nhật vào phần mềm theo dõi diễn biến rừng** | ha | Không quá 17.000 đ/ha | | Xã | 10 | 5,42 | Kế thừa, điều chỉnh TT102, khác về khối lượng và công nghệ | Mục III |
| **4** | **Xây dựng báo cáo, thành quả kết quả theo dõi diễn biến rừng cấp xã** | **Chưa có** | **Chưa có** | **Chưa có** | **Xã** | **30** | **4,65** | **Xây dựng mới; Chưa có định mức, nhưng yêu cầu có báo cáo cấp xã** |  |
| **5** | **Xây dựng thành quả kết quả theo dõi diễn biến rừng của chủ rừng nhóm II** | **Chưa có** | **Chưa có** | **Chưa có** | **Chủ rừng** | **30** | **4,65** | **Xây dựng mới; Chưa có định mức, nhưng yêu cầu có báo cáo cấp xã** |  |
| **6** | **Xây dựng báo cáo, thành quả kết quả theo dõi diễn biến rừng cấp huyện** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6.1 | Tổng hợp hóa số liệu từ cấp xã lên cấp huyện | Huyện | 15 | 3.63 | Huyện | 20 | 3,63 | Kế thừa, điều chỉnh QĐ690 , khác về khối lượng | Tr1, Mục 11 |
| 6.2 | Tổng hợp hóa bản đồ từ cấp xã lên cấp huyện | Huyện | 15 | 3.63 | Huyện | 20 | 3,63 | Kế thừa, điều chỉnh QĐ690 , khác về khối lượng | Tr1, Mục 11 |
| 6.3 | Xây dựng báo cáo theo dõi diễn biến rừng cấp huyện | Chưa có | Chưa có | Chưa có | Huyện | 40 | 4,65 | Xây dựng mới; Chưa có định mức, nhưng yêu cầu có báo cáo cấp huyện |  |
| **7** | **Xây dựng báo cáo, thành quả kết quả theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7.1 | Rà soát, xử lý số liệu, hồ sơ diễn biến rừng của cấp huyện | tỉnh | 10 | 3,33 | huyện | 50 | 3,33 | Kế thừa, điều chỉnh QĐ690, điều chỉnh khối lượng | Mục 84 |
| 7.2 | Tổng hợp hóa số liệu từ cấp huyện lên cấp tỉnh | Tỉnh | 22 | 4.65 | Tỉnh | 22 | 4,65 | Kế thừa QĐ690 | Tr2, Mục 45 |
| 7.3 | Tổng hợp hóa bản đồ từ cấp huyện lên cấp tỉnh | Tỉnh | 130 | 3.66 | Tỉnh | 130 | 3,66 | Kế thừa QĐ690 | Tr3, Mục 75 |
| 7.4 | Xây dựng báo cáo theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh | Tỉnh | 40 | 4.65 | Tỉnh | 40 | 4,65 | Kế thừa QĐ690 | Mục 46 |
| **8** | **Xây dựng báo cáo, thành quả kết quả theo dõi diễn biến rừng cấp toàn quốc** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8.1 | Rà soát, xử lý số liệu, hồ sơ diễn biến rừng của cấp tỉnh | Chưa có | Chưa có | Chưa có | Tỉnh | 200 | 3,33 | Xây dựng mới; Chưa có định mức nhưng yêu cầu có số liệu toàn quốc. Có kế thừa bước công việc QĐ690 | Mục 84 |
| 8.2 | Tổng hợp hóa số liệu từ cấp tỉnh lên cấp toàn quốc | Chưa có | Chưa có | Chưa có | Toàn quốc | 100 | 4,65 | Xây dựng mới; Chưa có định mức nhưng yêu cầu có số liệu toàn quốc. Có kế thừa bước công việc QĐ690 | Tr2, Mục 45 |
| 8.3 | Tổng hợp hóa bản đồ từ cấp tỉnh lên cấp toàn quốc | Chưa có | Chưa có | Chưa có | Toàn quốc | 250 | 3,66 | Xây dựng mới; Chưa có định mức nhưng yêu cầu có số liệu toàn quốc. Có kế thừa bước công việc QĐ690 | Tr3, Mục 75 |
| 8.4 | Xây dựng báo cáo theo dõi diễn biến rừng cấp toàn quốc | Chưa có | Chưa có | Chưa có | Toàn quốc | 100 | 4,65 | Xây dựng mới; Chưa có định mức nhưng yêu cầu có số liệu toàn quốc. Có kế thừa bước công việc QĐ690 | Mục 46 |
| **9** | **Vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng toàn quốc** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 9.1 | Kiểm tra công tác theo dõi cập nhật diễn biến rừng | Chưa có | Chưa có | Chưa có | huyện | 1 | 4,65 | Xây dựng mới; Chưa có định mức nhưng yêu cầu phải kiểm tra (toàn quốc có 559 huyện có rừng) |  |
| 9.2 | Hỗ trợ kỹ thuật cập nhật diễn biến rừng vào phần mềm | Chưa có | Chưa có | Chưa có | huyện | 2 | 4,65 | Xây dựng mới; Chưa có định mức nhưng yêu cầu phải hỗ trợ |  |
| 9.3 | Quản trị cơ sở dữ liệu | Chưa có | Chưa có | Chưa có | Tháng | 22 | 4,65 | Xây dựng mới; Chưa có định mức nhưng yêu cầu phải có lao động quản trị |  |

*Ghi chú:*

*1. Các văn bản rà soát kế thừa và bổ sung, xây dựng mới định mức:*

*- Quyết định số 487/QĐ-BNN/TCCB ngày 26/02/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành định mức lao động trong công tác Điều tra Quy hoạch rừng;*

*- Quyết định số 690/QĐ-BNN-TCCB ngày 01/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành định mức KTKT trong điều tra, kiểm kê rừng toàn quốc giai đoạn 2013-2016 và Công văn số 589/BNN-TCLN ngày 20/02/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn áp dụng định mức kinh tế kỹ thuật điều tra, kiểm kê rừng theo Quyết định số 690/QĐ-BNN-TCCB ngày 01/4/2013;*

*- Thông tư số 102/2000/TT-BNN-KL, ngày 02/10/2000 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn lập dự toán cho các dự án theo dõi diễn biến tài nguyên rừng;*

*- Công văn số 10121/BNN-TCLN ngày 30/11/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn kỹ thuật rà soát, chuyển đổi đất, rừng phòng hộ đầu nguồn ít xung yếu sang quy hoạch phát triển rừng sản xuất gắn với điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng.*

*2. Trên cơ sở nghiên cứu rà soát các văn bản nêu trên, so sánh với nội dung hoạt động dõi diễn biến tài nguyên rừng có thể thấy một số vấn đề sau đây:*

*- Có một số mức lao động đã ban hành vẫn có thể sử dụng, nhưng cần nghiên cứu điều chỉnh do có một số thay đổi trong điều kiện và nội dung hoạt động trong các bước công việc của dõi diễn biến tài nguyên rừng.*

*- Có một số bước công việc cần xây dựng mới để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn trong theo dõi diễn biến rừng.*